

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TRONG NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA NÔNG SẢN

Nguyễn Văn Ga¹, Tạ Quang Minh²,
Nguyễn Tuấn Sơn³

SUMMARY

Geographical indicator protection for improving competitive capacity of agricultural products

This study is purposed to review documents on Geographical Indication Protection and it's roles in improving value and competitive capacity of agricultural products. Also, this study is to find out evidences about protected geographical indication agricultural products of Vietnam and of some oversea countries and their increasing value in the markets.

Keywords: Geographical Indication Protection, agricultural products, competitive capacity

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) là khái niệm dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc địa lý từ một khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể có danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính riêng biệt do điều kiện tự nhiên hoặc con người của vùng địa lý đó quyết định. CDĐL khi gắn lên sản phẩm có ý nghĩa như một chứng chỉ khẳng định nguồn gốc của sản phẩm mà đi kèm theo nó là những đặc tính riêng biệt khác với sản phẩm cùng loại ở các vùng khác.

Bảo hộ CDĐL có hiệu quả tạo lợi ích kinh tế cho tất cả các mắt xích tham gia quy trình sản xuất, lưu thông, tiêu dùng sản phẩm mang CDĐL. Bảo hộ CDĐL không chỉ mang lại giá trị gia tăng cho người sản xuất, bảo vệ quyền lợi của người sản xuất, mà sản phẩm mang CDĐL còn mang lại các thông tin rõ ràng tới người tiêu dùng, giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đặc biệt, việc bảo hộ CDĐL có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh

tế nông nghiệp, nông thôn. Bảo hộ CDĐL tạo công cụ pháp lý để nhà sản xuất chống lại các hành vi giả mạo CDĐL.

Rõ ràng việc cấp bảo hộ CDĐL cho các nông sản và khả năng cạnh tranh của nông sản được cấp bảo hộ CDĐL có sự liên quan mật thiết. Khả năng cạnh tranh của nông sản có tăng hay không là một trong những kỳ vọng quan trọng của việc thực hiện cấp bảo hộ CDĐL cho sản phẩm của các quốc gia.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Các loại nông sản đã được bảo hộ CDĐL.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập, nghiên cứu phân tích các tài liệu về cơ sở lý luận và những dẫn chứng thực tế liên quan đến vấn đề CDĐL và vai trò của CDĐL ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam.

¹ Trường Đại học Nông Nghiệp Hà Nội - Viện Thổ nhưỡng Nông hóa.

² Cục Sở hữu trí tuệ.

³ Trường Đại học Nông Nghiệp Hà Nội

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Lịch sử ra đời CDĐL

Thuật ngữ CDĐL mà hiện nay đang sử dụng có lịch sử phát triển lâu dài mà ban đầu được gọi là các “xác định đặc điểm của sản phẩm của vùng”. Từ người Ai cập cổ đại, địa danh vùng từng được sử dụng để xác định sản phẩm và để làm dấu hiệu cho chất lượng sản phẩm của họ. Ở thời Trung cổ, người châu Âu đã có các phường, hội và đặt tên cho sản phẩm của họ nhằm đảm bảo với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính độc quyền sản phẩm trên thị trường, và bảo vệ hợp pháp những người sản xuất. Ví dụ các sản phẩm pho-mát ở thời kỳ này với tên Parmigiano Reggiano ở Ý, Edam ở Hà Lan, hay Comte và Gruyere ở Pháp (Petra van de Kop, Denis Sautier et al. 2006). Ở thế kỷ 19, những chỉ dẫn vùng đạt được tính quan trọng của nó do thương mại trong nước và quốc tế bùng nổ. Ở thời kỳ này, đặc tính kỹ thuật và tiêu chuẩn đã phát triển và trở nên ngày càng quan trọng hơn. Trong suốt thế kỷ 20, quá trình quốc tế hóa diễn ra mạnh mẽ, các nhãn hiệu toàn cầu phát triển, các hiệp hội thương mại mở ra, và các thỏa hiệp thương mại có tính toàn cầu. Hình ảnh vùng thường được sử dụng để giới thiệu sản phẩm ra thị trường. Từ đó, định nghĩa về “sản phẩm vùng địa lý” ra đời với ý nghĩa đó là những sản phẩm có chất lượng đặc biệt tạo ra bởi con người và môi trường tự nhiên ở nơi sản phẩm được sản xuất ra.

Sự bảo hộ CDĐL được ra đời vào năm 1992 bởi Ủy ban Châu Âu được giới thiệu trong quy định số No. 2081/92 nhằm tạo khả năng bảo vệ hợp pháp người sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm

khỏi sự bắt chước, làm nhái và lạm dụng tên của sản phẩm (Petra van de Kop, Denis Sautier et al. 2006). Theo Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học công nghệ Việt Nam: CDĐL là một loại tài sản trí tuệ có giá trị, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển vì nó có khả năng trở thành công cụ kiểm soát và thúc đẩy phát triển hệ thống kinh tế - xã hội (Theo Cục Sở hữu trí tuệ, 2006).

2. Lợi ích của CDĐL

Bảo hộ CDĐL cho sản phẩm đem lại lợi ích cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau và mang lại lợi ích chung cho toàn xã hội. Các lợi ích của việc bảo hộ CDĐL đối với các sản phẩm bao gồm:

- Phát triển CDĐL góp phần tạo ra giá trị: Nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý thông qua việc kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm về chất lượng từ khâu sản xuất, chế biến đến việc sử dụng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị đất đai vùng địa danh.

- Khi CDĐL đã được thừa nhận và biết đến một cách rộng rãi trên thị trường, nó sẽ là phương tiện nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho không chỉ người sản xuất của địa phương mà cả những nhà kinh doanh, nhà sản xuất nguyên liệu thô, phụ phẩm, các công ty vận tải... Ngoài ra, địa phương có CDĐL được bảo hộ còn có thể phát triển ngành công nghiệp du lịch sinh thái nhằm đem lại nguồn lợi kinh tế cao cho cư dân địa phương (Theo Cục Sở hữu Trí tuệ, 2006).

- Đối với người tiêu dùng, sản phẩm được mang bảo hộ CDĐL là sự bảo đảm với người tiêu dùng rằng sản phẩm đó có nguồn gốc xác định và có danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính xác định.

- Phát triển CDĐL cũng có tác động tích cực đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn, tạo ra việc làm trực tiếp và gián tiếp từ đó hạn chế việc di dân ra khỏi khu vực nông thôn.

- Sản phẩm mang CDĐL sẽ góp phần giữ gìn truyền thống của ngành sản xuất sản phẩm bằng cách duy trì chất lượng, uy tín, danh tiếng của sản phẩm và các bí quyết, quy trình sản xuất truyền thống.

- Bảo hộ CDĐL cho các sản phẩm, đặc biệt là nông sản có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan. Đa dạng sinh học vùng nông thôn cũng được gìn giữ do phải duy trì các điều kiện tự nhiên, giống cây, giống con và quy trình công nghệ truyền thống để sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

- CDĐL còn là một công cụ hữu hiệu để duy trì, bảo tồn, gìn giữ và phát triển các giá trị văn hoá, lịch sử, các bí quyết kỹ thuật nhằm lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

3. Các hình thức của bảo hộ CDĐL

CDĐL có thể được bảo hộ dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo quy định pháp luật của từng quốc gia, tuy nhiên có thể chia thành 3 nhóm chính: (i) Bảo hộ chỉ dẫn địa lý bằng hệ thống pháp luật riêng (CDĐL hoặc tên gọi xuất xứ), (ii) Bảo hộ bằng pháp luật về nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận và (iii) Bảo hộ bằng pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh.

Theo hệ thống bảo hộ của Cộng đồng Châu Âu (Quy định số 2081/92), CDĐL có thể được bảo hộ theo 2 hình thức: Tên gọi xuất xứ (PDO - Protected Designations of Origin) và CDĐL (PGI - Protected Geographical Indications) và chứng nhận

sản phẩm đặc thù truyền thống (TSG - Traditional specialities guaranteed).

Theo báo cáo của đề án “Nghiên cứu xây dựng mô hình chung về đăng ký và quản lý CDĐL cho nông sản của Việt Nam”, việc bảo hộ các dấu hiệu *chỉ dẫn nguồn gốc* ở các quốc gia được chia ra thành 2 nhóm: (1) Một nhóm ưu tiên bảo hộ và đề cao *tên gọi xuất xứ*, theo đó, tên gọi xuất xứ được bảo hộ như một loại quyền tập thể tạo thành một phần tài sản quốc gia. Tên gọi xuất xứ đòi hỏi có mối liên hệ đặc biệt giữa sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ (bao gồm cả các yếu tố tự nhiên và con người). Việc bảo hộ tên gọi xuất xứ được thực hiện dựa trên hệ thống các quy định pháp luật và các thiết chế đặc biệt được thành lập riêng để bảo vệ, quản lý tên gọi xuất xứ (đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp, uỷ ban quốc gia, tổ chức kiểm soát...); (2) Nhóm các quốc gia khác ưu tiên bảo hộ CDĐL: Chỉ dẫn xác nhận rằng sản phẩm thực sự có nguồn gốc từ một vùng địa lý cụ thể, có các yếu tố đặc trưng do các điều kiện tự nhiên mang lại (không nhất thiết đề cập đến yếu tố con người). Việc bảo hộ CDĐL được thực hiện dựa trên các thiết chế có sẵn áp dụng để bảo hộ nhãn hiệu.

4. Vai trò của bảo hộ CDĐL trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản

Về mặt lý thuyết, tính cạnh tranh của nông sản sẽ tăng lên sau khi được CDĐL. Theo ông Stéphane Passeri, Giám đốc Chương trình hợp tác quyền sở hữu trí tuệ EC - ASEAN, với thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay và người tiêu dùng ngày càng khó tính hơn, CDĐL sẽ giúp gia tăng giá bán lẻ các sản phẩm, phân bổ giá trị tốt hơn, từ đó thúc đẩy sản xuất phát triển.

Ở Cộng đồng Châu Âu, bảo hộ CDĐL thể hiện rõ các giá trị: (1) Sản phẩm được bảo hộ CDĐL chiếm thị phần quan trọng trên thị trường xuất, nhập khẩu. Ví dụ khoảng 80% rượu xuất khẩu của Pháp là sản phẩm được bảo hộ CDĐL; trong số 5,4 tỷ Euro kim ngạch xuất khẩu rượu mạnh của Châu Âu thì có 3,5 tỷ thu được từ sản phẩm mang CDĐL. (2) CDĐL làm tăng sản lượng, doanh số bán sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm. Sản lượng một số sản phẩm tăng gấp đôi sau khi được bảo hộ CDĐL. (3) CDĐL làm tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm: Kết quả nghiên cứu cho thấy giá bán sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cao hơn nhiều so với sản phẩm cùng loại

không được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Ví dụ pho mát Pháp cao hơn 30%, thịt gà Breese: Cao gấp 4 lần, giá rượu Pháp cao hơn 230%; dầu Toscano Italia cao hơn 20%. Giá mua nguyên liệu gốc từ người nông dân đối với các sản phẩm được mang bảo hộ CDĐL tăng khoảng 50% so với các sản phẩm cùng loại khác; (4) CDĐL góp phần phát triển nền kinh tế nông nghiệp nông thôn: Số liệu thống kê tại Pháp năm 2004 cho biết số lượng nông dân sản xuất sản phẩm mang CDĐL tăng 18%, trong khi đó, tổng số lượng nông dân trên cả nước giảm 11%. Giá đất sản xuất sản phẩm mang bảo hộ CDĐL cũng tăng.

Bảng 1. So sánh giá của một số sản phẩm có bảo hộ CDĐL với giá sản phẩm cùng loại hoặc của chính sản phẩm đó trước khi có bảo hộ CDĐL

Sản phẩm có bảo hộ CDĐL	So với giá của sản phẩm cùng loại không có bảo hộ CDĐL hoặc giá sản phẩm đó trước khi bảo hộ CDĐL (%)
Một số sản phẩm của châu Âu	
Pho-mát Pháp	Giá cao hơn 30%
Rượu Pháp	Giá cao hơn 230%
Dầu Toscano Italia	Giá cao hơn 20%
Một số sản phẩm của Việt Nam	
Vải Thiều Thanh Hà	Giá cao hơn 30-40%
Chè Tân Cương (chè nguyên liệu)	Giá cao hơn 185%
Chè Shan Tuyết Mộc Châu	Giá tăng 15%
Gạo Tám Xoan Hải Hậu	Giá tăng 15-20%

Nguồn: Số liệu điều tra thứ cấp

Ở Việt Nam, theo Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (Điều 79), CDĐL là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể. Tính đến tháng 12/2007, có 11 CDĐL của Việt Nam được bảo hộ, cụ thể là: Nước mắm Phú Quốc, chè Shan Tuyết Mộc Châu, cà phê Buôn Ma Thuột, bưởi Đoan Hùng, thanh long Bình Thuận, hồi

Lạng Sơn, vải thiều Thanh Hà, nước mắm Phan Thiết, gạo Tám Xoan Hải Hậu, cam Vinh và chè Tân Cương. Hiệu quả kinh tế - xã hội ban đầu từ việc bảo hộ CDĐL của một số nông sản của Việt Nam như Nước mắm Phú Quốc, 2 năm sau khi CDĐL được bảo hộ, giá bán sản phẩm trong nước tăng gấp 3 lần; Chè Shan Tuyết Mộc Châu sau khi được bảo hộ CDĐL, diện tích chè

được mở rộng thông qua hình thức trồng mới, năm 2001 chỉ có khoảng 520 ha đến năm năm 2004 là 650 ha; Thanh Long Bình Thuận: Năm 2006, với việc CDĐL “Bình Thuận” được bảo hộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm thanh long phát triển mạnh, đạt 7,48 triệu USD, chiếm 49,5% kim ngạch xuất khẩu nông sản và 51,6% kim ngạch xuất khẩu thanh long của tỉnh, tăng thêm 57% so với năm 2005. Số lượng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, đăng ký gia nhập Hiệp hội thanh long Bình Thuận và tham gia các hoạt động của Hiệp hội tăng lên đáng kể; Vải thiều Thanh Hà: Sau khi CDĐL Thanh Hà được bảo hộ, sản phẩm vải thiều mang CDĐL đã được xuất khẩu chuyên đầu tiên sang CHLB Đức tháng 6/2007 mở đầu cho xuất khẩu lô hàng 20-25 tấn vải thiều sơ chế, đóng gói với giá cao hơn từ 30 đến 40% giá vải cùng loại đang bán trên thị trường trong nước; Nước mắm Phan Thiết: Sau bảo hộ CDĐL, một số tổ chức nước ngoài khá quan tâm đến sản phẩm này. UBND tỉnh Bình Thuận đã triển khai một số hoạt động xúc tiến thương mại tại CHLB Đức và Hà Lan vào tháng 10 năm 2007. Hợp đồng xuất khẩu sản phẩm nước mắm Phan Thiết sang thị trường Đức đã được triển khai thực hiện trong năm 2008; Gạo Tám Xoan Hải Hậu: Với việc bảo hộ CDĐL, giá trị kinh tế của sản phẩm gạo Tám Xoan mang CDĐL "Hải Hậu" đã được nâng lên đáng kể: Lợi nhuận mà người nông dân thu được cao gấp 1,5-1,6 lần so với sản xuất đại trà; doanh thu/sào tăng từ 1,5-2 lần; Chè Tân Cương: Bảo hộ CDĐL giúp giá chè tươi Tân Cương đạt 10.000 đồng/kg cao hơn hẳn so với giá chè khác tươi khác trong tỉnh (3.500 đồng/kg).

IV. KẾT LUẬN

CDĐL là khái niệm dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc địa lý từ một khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể có danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính riêng biệt, đặc thù do điều kiện tự nhiên hoặc con người của vùng địa lý đó quyết định.

CDĐL khi gắn lên sản phẩm có ý nghĩa như một chứng chỉ khẳng định nguồn gốc của sản phẩm mà đi kèm theo nó là những đặc tính riêng biệt khác với sản phẩm cùng loại ở các vùng khác.

Vai trò của bảo hộ CDĐL được thể hiện rõ trong việc nâng cao tính cạnh tranh của nông sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tham luận “Bảo hộ và phát triển chỉ dẫn địa lý trong thị trường toàn cầu hóa” - Stéphane PASSERI, điều phối viên Chương trình ECAP II (tại Hội thảo “Sản xuất lựa mang chỉ dẫn địa lý Thái” tổ chức tại Băng Cốc - Thái Lan ngày 13-14/3/2007).
2. Bruce A. Babcock and R. Clemens (2004). "Geographical Indications and Property Rights: Protecting Value-Added Agricultural Products." Midwest Agribusiness Trade Research and Information Center Iowa State University.
3. Báo cáo "Nghiên cứu xây dựng mô hình chung về đăng ký và quản lý chỉ dẫn địa lý cho nông sản của Việt Nam" - Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam (2006)

**Người phản biện:
TS. Phạm Xuân Liêm**

ỨNG DỤNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ TRONG NGHIÊN CỨU XÓI MÒN ĐẤT

Trần Đức Toàn¹, Bùi Đắc Dũng²,
Nguyễn Duy Phương¹

SUMMARY

Using Fallout Radionuclides Isotopes for studying soil erosion

Three fallout radionuclides isotopes (FRNI) ¹³⁷Cs, ²¹⁰Pb, and ⁷Be are being applied broadly to assess soil erosion in European continent. Among them, ¹³⁷Cs shows the assessment of soil erosion in period of 50 years; ²¹⁰Pb indicates in the period of 100 years, but ⁷Be can show a valuation of soil loss and re-accumulation of each rainy event.

In Vietnam this FRNI techniques are being tested with comparison of conventional method (sediment measurement in the soil traps). And the results show that:

Estimate soil erosion using FRNI ¹³⁷Cs technique is acceptable comparing with assessment by conventional method. It showed that soil erodibility in the Dong Cao watershed (50 ha) on the Acrisol derived from schist rock is moderate (vary about 4-5 tons/ha/yr).

Using fallout ⁷Be measurement in short duration (each rainy events in 2007yr.) to estimate soil erosion and sedimentation broadly varies compared conventional practices. It happened because of fallout ⁷Be is short duration activation isotope (T_{1/2}=53 days), therefore it must be retested in the future.

Using FRNI for soil erodibility evaluation, not only estimate soil erosion quantity as using conventional method, but also quality of eroded soil, through soil/sediment redistribution. Soil erodibility assessment using FRNI technique shows a general feature of surfaced soil movement (erosion and accumulation) on the cultivated area.

Keywords: Radionuclides Isotopes; soil erosion, re-accumulation.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các nhà khoa học đã áp dụng nhiều biện pháp để nghiên cứu thực trạng xói mòn đất. Tuy nhiên, những biện pháp đã áp dụng khá phức tạp như vận dụng phương trình FOUNIER, WISCHMEIER, ELLWELL, FAO; chủ yếu dựa vào tính toán ảnh hưởng của nhiều yếu tố Tcs động, trên nền ô thửa nhỏ (25m x 4m); đất hoàn toàn đồng nhất về địa hình trong mối quan hệ với độ dốc (S), loại đất và khả năng xói mòn (K), độ che phủ (C), chiều dài sườn dốc (L) và lượng mưa (R). Nhưng kết quả suy diễn ra diện rộng khác xa với thực tế.

Nghiên cứu xói mòn trên diện rộng, hiện nay các nhà khoa học *Chủ yếu dựa vào đo đếm trực tiếp trên từng vùng cụ thể* thông qua từng đối tượng cây trồng, loại đất, độ dốc. Ở Châu Á (Lào, Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam) đã tiến hành nghiên cứu xói mòn ở cấp

độ lưu vực với diện tích 50 -70 ha để đánh giá xói mòn theo thực trạng địa hình. Tuy nhiên, khi nghiên cứu cho một lưu vực rộng lớn, giải pháp này khó thực hiện vì phải đo đếm trực tiếp. Để khắc phục khiếm khuyết này, xu thế hiện nay trên thế giới dựa vào nghiên cứu sự phân bố của chất đồng vị phóng xạ (ĐVPX) vốn dĩ có trong khí quyển bởi những vụ thử hạt nhân, hay nổ các lò phản ứng. Từ đó tính toán lượng đất xói mòn thông qua hàm lượng của các chất đồng vị phóng xạ phân bố trong đất. *Điểm mạnh của phương pháp sử dụng đồng vị phóng xạ là không chỉ nghiên cứu được ở vùng rộng lớn về lượng đất xói mòn mà còn đánh giá được khả năng bồi lắng và tái phân bố các chất dinh dưỡng trong quá trình di chuyển theo dòng chảy mà nguyên lý của mô hình SMITH & WISCHMEIR (1962) không vươn tới.*

Trên thế giới, tiềm năng ứng dụng các ĐVPX vào đánh giá xói mòn đã được chú ý từ

¹ Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; ² Viện Khoa học Kỹ thuật Hạt nhân.